

CHÍNH PHỦ
Số: 79/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 11 năm 1993

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành luật xuất bản

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 7 tháng 7 năm 1993;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin.

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hoạt động xuất bản quy định tại Luật Xuất bản gồm các lĩnh vực sản xuất, in, phát hành.

Xuất bản phẩm gồm các loại hình: sách, tài liệu, tranh ảnh, áp phích, catalô, tờ rời, tờ gấp, lịch, bản đồ, át lát, bản nhạc, cờ, truyền đơn, khẩu hiệu, câu đối, cuốn thư, băng âm thành, đĩa âm thành, băng hình, đĩa hình thay sách hoặc kèm theo sách.

Điều 2. Nhà nước không kiểm duyệt tác phẩm trước khi xuất bản, trừ trường hợp nội dung tác phẩm có dấu hiệu vi phạm Điều 22 Luật Xuất bản.

Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin chịu trách nhiệm thực hiện việc kiểm duyệt và quyết định biện pháp xử lý.

Điều 3. Tác giả nói tại Luật Xuất bản là cá nhân, tổ chức sáng tạo ra tác phẩm về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật được phổ biến dưới hình thức xuất bản phẩm bằng các thể loại: sáng tác, phóng tác, chuyển thể, biên soạn, tuyển chọn, nghiên cứu, dịch thuật.

Tác giả có quyền phổ biến tác phẩm thông qua nhà xuất bản, đứng tên xuất bản phẩm; hưởng nhuận bút theo hợp đồng với nhà xuất bản; cho người khác sử dụng, sửa chữa, chú thích, dịch, chuyển thể, để thừa kế tác phẩm của mình và hưởng các quyền khác theo quy định về quyền tác giả.

Nhà nước bảo hộ quyền tác giả.

Tác giả có quyền khiếu nại với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, khởi kiện trước Toà án khi quyền tác giả bị vi phạm.

Tác giả chịu trách nhiệm về nội dung tác phẩm của mình trước pháp luật.

Điều 4. Nhà nước bảo đảm quyền sáng tạo, phổ biến tác phẩm và hưởng thụ xuất bản phẩm của công dân, tổ chức bằng các chính sách:

- Cấp ngân sách để trợ giá, đặt hàng đối với các tác phẩm có giá trị về lý luận chính trị, văn học - nghệ thuật, khoa học công nghệ, nghiên cứu khoa học; truyền thống cách mạng; đối với xuất bản phẩm phục vụ các dân tộc thiểu số, thiểu nhi, lực lượng vũ trang, vùng núi, hải đảo, vùng xa xôi hẻo lánh và những xuất bản phẩm quan trọng phục vụ nhiệm vụ đối ngoại.
- Cấp một phần vốn lưu động theo chế độ quy định phù hợp với đặc điểm hoạt động của các lĩnh vực xuất bản, in, phát hành.
- Áp dụng cước phí ưu đãi đối với vận chuyển xuất bản phẩm đến miền núi, hải đảo, vùng xa xôi hẻo lánh và phục vụ nhiệm vụ đối ngoại.
- Đầu tư theo quy hoạch để tăng cường cơ sở vật chất, ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại đối với các lĩnh vực xuất bản, in và phát hành.
- Đầu tư ngân sách để khôi phục và nâng cấp hệ thống thư viện Nhà nước, bổ sung vốn sách cho thư viện.
- Cấp ngân sách để mua bản thảo các tác phẩm có giá trị nhưng chưa được phổ biến.

7. Khen thưởng tinh thần và vật chất đối với các tác giả của xuất bản phẩm có giá trị cao.

Bộ Văn hoá - Thông tin cùng với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Bưu điện, Ban Vật giá Chính phủ, các Bộ, ngành hữu quan có trách nhiệm cụ thể hoá việc thực hiện các chính sách ghi tại Điều này và đưa vào kế hoạch ngân sách hàng năm.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN

MỤC I. XUẤT BẢN

Điều 5. Việc thành lập nhà xuất bản, cơ sở sản xuất băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình (dưới đây gọi chung là nhà xuất bản) phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp xuất bản.

Muốn thành lập nhà xuất bản, người đứng đầu cơ quan chủ quản phải có hồ sơ gửi Bộ Văn hoá - Thông tin. Hồ sơ gồm có:

1. Đơn xin thành lập nhà xuất bản, cần ghi rõ:

Tên cơ quan chủ quản;

Tên người đứng đầu cơ quan chủ quản hoặc người được uỷ quyền thay mặt cơ quan chủ quản chỉ đạo và quản lý trực tiếp nhà xuất bản;

Tên nhà xuất bản;

Tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, phạm vi phát hành phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản;

Trụ sở của nhà xuất bản;

Vốn và nguồn vốn của nhà xuất bản được cơ quan tài chính xác nhận.

2. Danh sách Giám đốc, Tổng biên tập kèm theo lý lịch và ảnh, số lượng biên tập viên.

Đối với các tổ chức, cơ quan Nhà nước thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xin thành lập nhà xuất bản, phải có thêm ý kiến đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 6.- Bộ Văn hoá - Thông tin có trách nhiệm phối hợp với các Hội văn học, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, cơ quan hữu quan quy định các loại tác phẩm cần thẩm định nội dung trong các tác phẩm trước cách mạng Tháng Tám, trong vùng bị tạm chiếm cũ và sách dịch của nước ngoài.

Muốn xuất bản, tái bản các tác phẩm đã quy định cần thẩm định nội dung, nhà xuất bản, cơ quan chủ quản phải có văn bản đề nghị kèm theo bản thảo gửi Bộ Văn hoá - Thông tin xem xét, quyết định.

Điều 7.

1. Bộ Văn hoá - Thông tin tham khảo ý kiến của các tổ chức tôn giáo lựa chọn và quy định một số nhà xuất bản trung ương và địa phương ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và miền Trung có nhiệm vụ xuất bản kinh bản và các tác phẩm tôn giáo của các tổ chức tôn giáo một cách thuận tiện.

2. Việc xuất bản tác phẩm của các tổ chức thuộc trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không có nhà xuất bản do nhà xuất bản Trung ương hoặc địa phương có tôn chỉ mục đích tương ứng đảm nhiệm.

3. Việc xuất bản tài liệu, công trình nghiên cứu, giáo trình lưu hành nội bộ của các tổ chức, cơ quan Nhà nước, trường đại học, trung học và dạy nghề do các nhà Xuất bản Trung ương và địa phương có tôn chỉ mục đích tương ứng đảm nhiệm.

Trường hợp nhà xuất bản không đảm nhiệm được, mà các tài liệu đó không nhằm mục đích kinh doanh, Bộ Văn hoá - Thông tin xem xét và các giấy phép xuất bản hoặc Sở Văn hoá - Thông tin xem xét, cấp giấy phép xuất bản (nếu là tài liệu của địa phương).

4. Sở Văn hoá - Thông tin được cấp giấy phép xuất bản các tài liệu không nhằm mục đích kinh doanh thuộc địa phương bao gồm tài liệu tuyên truyền cổ động, hướng dẫn thi hành các Chỉ thị, Nghị quyết, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; giới thiệu sản phẩm, hướng dẫn sử dụng hàng hoá; kỹ yếu hội nghị, hội thảo.

5. Việc in, nhân bản các đề cương báo cáo, dự thảo báo cáo; tài liệu hướng dẫn dùng cho các cuộc hội thảo, hội nghị; thông báo khoa học, tóm tắt luận án tiến sĩ, phó tiến sĩ để bảo vệ không phải xin phép, khi đưa in phải có đủ các thủ tục quy định tại Điều 20 của Nghị định này.

Người đứng đầu cơ quan chủ trì hội nghị, hội thảo, người đứng đầu tổ chức bảo vệ luận án phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, phạm vi lưu hành, đối tượng sử dụng.

Điều 8. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được bản thảo, nhà xuất bản phải trả lời cho tác giả. Việc xuất bản, tái bản, phải ký hợp đồng với tác giả. Hợp đồng xuất bản phải ghi rõ thời gian xuất bản, số bản in, quyền lợi, trách nhiệm của tác giả và nhà xuất bản; thời gian được giữ quyền xuất bản của nhà xuất bản.

Điều 9. Chậm nhất 30 ngày kể từ khi nhận được kế hoạch xuất bản đã được cơ quan chủ quản phê duyệt, Bộ Văn hoá - Thông tin xem xét và cấp giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản.

Nghiêm cấm việc chuyển nhượng giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản hoặc giấy phép xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 10. Đối với việc xuất bản từng tác phẩm, nhà xuất bản có thể huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong nước để in, phát hành xuất bản phẩm thông qua hợp đồng và phải được ghi rõ trong kế hoạch xuất bản đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước về xuất bản có thẩm quyền.

Điều 11. Việc hợp tác với nước ngoài về xuất bản, in, phát hành được tiến hành trên cơ sở các điều ước quốc tế mà Chính phủ Việt Nam ký kết với Chính phủ các nước hoặc các tổ chức phi Chính phủ. Tổ chức quốc tế hoặc được Chính phủ Việt Nam uỷ quyền cho cơ quan có thẩm quyền ký kết.

Hình thức hợp tác xuất bản, in, phát hành bao gồm:

Hợp tác giữa nhà xuất bản trong nước với nhà xuất bản nước ngoài để xuất bản, in tác phẩm của mỗi bên;

Hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ để in và phát hành xuất bản phẩm Việt Nam ở nước ngoài, xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam;

Hợp tác về in gia công cho nước ngoài;

Tổ chức triển lãm xuất bản phẩm Việt Nam ở nước ngoài và xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam.

Kế hoạch hợp tác với nước ngoài về xuất bản, in, phát hành phải được Bộ Văn hoá - Thông tin cho phép.

Điều 12. Xuất bản phẩm trên giấy phải ghi:

1. Đối với sách phải ghi:

Bìa 1: Tác giả, tên sách, nhà xuất bản.

Trang 1: Tên tác giả, tên sách; tên người dịch, người hiệu đính (nếu là sách dịch); số thứ tự của lần tái bản, nhà xuất bản, năm xuất bản.

Đối với xuất bản phẩm lưu hành nội bộ phải ghi rõ "lưu hành nội bộ".

Đối với sách dịch trang 2 phải ghi: Tên nguyên bản, tác giả, nhà xuất bản nước ngoài, năm xuất bản;

Nếu dịch từ ngôn ngữ khác với ngôn ngữ nguyên bản phải ghi rõ tên ngôn ngữ đó, nhà xuất bản, năm xuất bản.

Trang cuối sách: Tên người chịu trách nhiệm xuất bản, người biên tập nội dung, người biên tập kỹ thuật, người biên tập mỹ thuật, người trình bày bìa, người minh hoạ, người sửa chữa bản in, số lượng in, số giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản; cơ sở in, chế bản, ngày in xong, ngày nộp lưu chiểu.

Bìa 4: Giá bán lẻ; mã số phân loại; có thể giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhà xuất bản.

Việc trình bày bìa và minh hoạ phải phù hợp với nội dung tác phẩm.

2. Đối với các xuất bản phẩm tờ rời phải ghi: tên tác giả, tên xuất bản phẩm, nhà xuất bản hoặc tổ chức được phép xuất bản, số bản in, nơi in, số giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản, giá bán lẻ.

3. Đối với xuất bản phẩm là băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình phải ghi trên nhãn băng, đĩa: tên xuất bản phẩm, nhà xuất bản, tên chương trình gốc; tên người chịu trách nhiệm xuất bản, người biên tập chương trình, số giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản, số bản in, ngày in xong, ngày nộp lưu chiểu, giá bán lẻ, mã số phân loại.